TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2023
V/v "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Li.
2. Bà Đỗ Kim Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H tham gia phiên toà:
Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2023/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1997.
Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1992.
Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện Đông H, tỉnh B.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Thái Thị Duyên, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Ấp Bửu 2, xã Long Điền Đông, huyện Đông H, tỉnh B.
(Chị L, anh T và bà Duyên có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5//2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Yến L trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2015 anh chị tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Điền Đông, huyện Đông H, tỉnh B.

Nguyên nhân ly hôn: Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cải vã, mâu thuẫn và hiện anh chị đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân thì anh chị không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Quốc Hưng, sinh ngày 22/10/2015 hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho

anh T nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới mẹ chồng chị là bà Thái Thị Duyên có cho 10 chỉ vàng 24k (hiện bà Thái Thị Duyên đang quản lý), mẹ ruột chị có cho 13 chỉ vàng 18k (hiện chị đang quản lý). Ngoài ra vợ chồng còn tạo ra một số tài sản chung gồm: 05 chỉ vàng 24k và 7.000.000đ, anh T chị đã cho mẹ chồng chị là bà Duyên mua xe, nhưng không hỏi ý kiến của chị. Nay chị yêu cầu bà Duyên giao trả để vợ chồng chia khi ly hôn; 01 chiếc xe Nouvo bán được số tiền 20.000.000đ và mua lại chiếc xe Exciter bán được số tiền 20.000.000đ hiện anh T đang quản lý; 01 xe Wave anh T bán được số tiền 9.000.000đ; 01 tủ lạnh anh T bán được số tiền 2.000.000đ. Chị yêu cầu chia tất cả số tài sản trên khi ly hôn.

Đối với chiếc ghe anh T xác định là dùng số tiền 20.000.000đ bán được từ chiếc xe Exciter thì chị không đồng ý. Chị xác định tiền mua chiếc ghe là của mẹ ruột của chị là bà Phạm Thị Nhanh cho mượn số tiền 25.000.000đ để mua. Nay số tiền này đã trả cho bà Nhanh xong. Đối với chiếc ghe hiện anh T đã bán số tiền bao nhiêu thì chị không biết và không yêu cầu chia.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Anh Lê Văn T trình bày: Về mối quan hệ hôn nhân và con chung anh thống nhất với lời trình bày của chị L, anh đồng ý ly hôn và đồng ý nuôi con chung, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung anh xác định: Trong ngày cưới mẹ ruột của anh có cho 10 chỉ vàng 24k (trước đây có gửi mẹ anh là bà Duyên quản lý, nhưng hiện nay anh đã bán chi xài hết không còn) và mẹ vợ có cho 13 chỉ vàng 18k hiện chị L đang quản lý.

Đối với 05 chỉ vàng 24k và số tiền 7.000.000đ trước đấy anh đã cho mẹ ruột của anh là bà Thái Thị Duyên để bà Duyên mua xe, nay bà Duyên đã trả lại cho anh xong.

Đối với 01 chiếc xe Nouvo bán được số tiền 20.000.000đ và mua lại chiếc xe Exciter bán được số tiền 20.000.000đ, sau đó mua chiếc ghe số tiền 20.000.000đ, chiếc Wave bán được số tiền 9.000.000đ, 01 cái tủ lạnh bán được số tiền 2.000.000đ.

Anh xác định khi vợ chồng sống ly thân thì anh đã sử dụng hết số tiền trên vào việc nuôi con ăn học, đi lại chi xài hết hiện nay không còn. Nay nếu chị L yêu cầu chia số tài sản trên khi ly hôn thì anh yêu cầu chị L chia 13 chỉ vàng 18k.

Bà Thái Thị Duyên xác định bà không quản lý tài sản nào của chị L và anh T. Đối với 05 chỉ vàng 24k và số tiền 7.000.000đ bà đã trả cho anh T xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cho chị Nguyễn Thị Yến L được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về tài sản chung:

Chia cho chị Nguyễn Thị Yến L 7,5 chỉ vàng 24k; 6,5 chỉ vàng 18k và số tiền 19.000.000đ.

Chia cho anh Lê Văn T 7,5 chỉ vàng 24k; 6,5 chỉ vàng 18k và số tiền 19.000.000đ.

Buộc chị Nguyễn Thị Yến L có trách nhiệm giao trả lại cho anh Lê Văn T 6,5 chỉ vàng 18k.

Buộc anh Lê Văn T có trách nhiệm giao trả cho chị Nguyễn Thị Yến L 7,5 chỉ vàng 24k và số tiền 19.000.000đ.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc Hưng, sinh ngày 22/10/2015 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện anh T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Chị Nguyễn Thị Yến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến L phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và án phí chia tài sản 4.312.500đ. Anh Lê Văn T phải nộp án phí chia tài sản số tiền 4.312.500đ. Các đương sự nộp tại Chi cục T hành án dân sự huyện Đông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Yến L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T, có địa chỉ cư trú tại ấp Bửu 2, xã Long Điền Đông, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. nay anh chị xác định tình cảm không còn, không còn khả năng hàn gắn nên thống nhất thuận tình ly hôn, cần ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự.

Về tài sản chung: Chị L yêu cầu chia số tài sản chung gồm: 15 chỉ vàng 24k, 13 chỉ vàng 18k và số tiền 38.000.000đ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân vàng gia đình quy định: "Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản chung do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao

động, hoạt động sản xuất, kinh doanh… tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc tặng cho chung…". Trong trường hợp này, 15 chỉ vàng 24k, 13 chỉ vàng 18k và số tiền 38.000.000đ là tài sản được cho trong ngày cưới và được tạo ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh T nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng chị L và anh T. Nên chị L yêu cầu chia là có căn cứ. Vì vậy cần chia đều cho chị L và anh T. Anh T xác định đã chi xài hết số tài sản trên trong thời gian sống ly thân, nhưng anh không có chứng cứ chứng minh việc chi xài này hợp lý nên không có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Chị L và anh T thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Lê Quốc Hưng, sinh ngày 22/10/2015 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Chị Nguyễn Thị Yến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Giá vàng tại thời điểm xét xử: 5.500.000đ/01 chỉ vàng 24k; 4.000.000đ/01 chỉ vàng 18k.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến L phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và án phí chia tài sản: 86.250.000đ x5%= 4.312.500đ. Chị L đã nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0000253 ngày 01/6/2023 và biên lai thu số 0000257 số tiền 1.525.000đ ngày 05/6/2023 được chuyển thu án phí, chị L còn phải nộp thêm số tiền 2.787.500 đ. Anh Lê Văn T phải nộp án phí chia tài sản số tiền 4.312.500đ. Các đương sự nộp tại Chi cục T hành án dân sự huyện Đông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Cho chị Nguyễn Thị Yến L được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về tài sản chung:

Chia cho chị Nguyễn Thị Yến L 7,5 chỉ vàng 24k; 6,5 chỉ vàng 18k và số tiền 19.000.000đ.

Chia cho anh Lê Văn T 7,5 chỉ vàng 24k; 6,5 chỉ vàng 18k và số tiền 19.000.000đ.

Buộc chị Nguyễn Thị Yến L có trách nhiệm giao trả lại cho anh Lê Văn T 6,5 chỉ vàng 18k.

Buộc anh Lê Văn T có trách nhiệm giao trả cho chị Nguyễn Thị Yến L 7,5 chỉ vàng 24k và số tiền 19.000.000đ.

3. Về con chung: Giao con chung tên Lê Quốc Hưng, sinh ngày 22/10/2015 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện anh T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Chị Nguyễn Thị Yến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến L phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và án phí chia tài sản 4.312.500đ. Chị L đã nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0000253 ngày 01/6/2023 và biên lai thu số 0000257 số tiền 1.525.000đ ngày 05/6/2023 được chuyển thu án phí, chị L còn phải nộp thêm số tiền 2.787.500 đ. Anh Lê Văn T phải nộp án phí chia tài sản số tiền 4.312.500đ. Các đương sự nộp tại Chi cục T hành án dân sự huyện Đông H.

Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Ý